

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



## **BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Tên gói thầu:** Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật niên hạn 2021 – 2022

**Phát hành ngày:** 26 / 7 / 2021

**Ban hành kèm theo quyết định số:** 192 / QĐ-TSC ngày 26 / 7 / 2021

**Bên mời thầu:** Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Tùng**

## MỤC LỤC

<b>Chương I. Yêu cầu nộp báo giá.....</b>	<b>2</b>
<b>Chương II. Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.....</b>	<b>5</b>
<b>Chương III. Biểu mẫu.....</b>	<b>15</b>
<b>Chương IV. Dự thảo hợp đồng.....</b>	<b>17</b>

# **Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

## **Mục 1. Khái quát**

1. Tên bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) cho gói thầu "Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật niên hạn 2021 – 2022". Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

## **Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

## **Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà

thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá.

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ:

Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại: 086 620 6877

Email tiếp nhận báo giá: huongnl@tsc.pvpower.vn.

Thời điểm nộp không muộn hơn **14 giờ 00 ngày 30/7/2021**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong hồ sơ báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm và có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

#### **Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi

tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

3. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

### **Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và/hoặc được đăng tải trên website [www.pvpower.vn](http://www.pvpower.vn).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

### **Mục 9. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

## **Chương II. PHẠM VI YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU**

### **Mục 1. Phạm vi yêu cầu của gói thầu**

#### **Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp**

Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

<b>A</b>	<b>Phạm vi công việc</b> Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật niên hạn 2021 – 2022. Bảo hiểm chi trả, bồi thường trong các trường hợp người được bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản; Tử vong, thương tật thân thể do tai nạn và chi phí y tế do ốm đau, bệnh tật, thai sản phải nghỉ nằm viện hoặc phẫu thuật) và chính sách ưu đãi mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người thân CBCNV theo chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật niên hạn 2021 – 2022 (Chi phí mua Bảo hiểm cho người thân CBCNV do cá nhân tự chi trả với giá mua bao hiểm và quyền lợi tương đương với CBCNV).			
<b>B</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật:</b>			
<b>TT</b>	<b>SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM</b>			
	<b>Chương trình 1</b>	<b>Chương trình 2</b>	<b>Chương trình 3</b>	<b>Chương trình 4</b>
<b>I</b>	<b>QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b>			
	<b>Số lượng CBCNV dự kiến</b>	<b>01 người</b>	<b>02 người</b>	<b>06 người</b>
	<b>BẢO HIỂM TẠI NẠN CÁ NHÂN</b>			
	Phạm vi lãnh thổ Việt Nam			
	Phạm vi bảo hiểm Từ vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn			
1	Từ vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	VND 1.040.000.000	VND 500.000.000	VND 330.000.000
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Theo bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật		
3	Chi phí y tế do tai nạn/năm	VND 104.000.000	VND 104.000.000	VND 65.000.000
4	Thương tật tạm thời (tối đa 180 ngày/năm)	VND 1.300.000/ngày	VND 260.000/ngày	VND 130.000/ngày
<b>II</b>	<b>BẢO HIỂM SINH MẠNG</b>			
	Phạm vi lãnh thổ Việt Nam			
	Phạm vi bảo hiểm Từ vong, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản			
	Từ vong/Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản	VND 1.040.000.000	VND 500.000.000	VND 330.000.000
<b>III</b>	<b>BẢO HIỂM CHI PHÍ Y TẾ DO ỐM ĐAU, BỆNH TẬT, THAI SẢN</b>			
	Phạm vi lãnh thổ Việt Nam			
	Phạm vi bảo hiểm Chi phí nằm viện, phẫu thuật và chi phí khác do ốm đau, bệnh tật, thai sản			

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM			
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4
1	Điều trị nội trú	VND 455.000.000	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.1	Số tiền bảo hiểm/người/năm  Viện phí trong thời gian nằm viện: - Tiền giường - Xét nghiệm chuẩn đoán hình ảnh - Thuốc điều trị - Chi phí đỡ đẻ - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện (áp dụng cho cả trường hợp điều trị trong ngày, chụp phim, bao gồm CT, MRT, PET)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 11.700.000/ngày (tối đa 60 ngày/năm)	VND 9.750.000/ngày (tối đa 60 ngày/năm)	VND 7.150.000/ngày (tối đa 60 ngày/năm)
1.2	Chi phí phẫu thuật (Bao gồm phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày và phẫu thuật ngoại trú) (giới hạn/năm)	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.3	Phục hồi chức năng (giới hạn/năm)	VND 45.500.000	VND 23.400.000	VND 19.500.000	VND 14.300.000
1.4	Quyền lợi thai sản	Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 455.000.000/năm	- Sinh thường, biến chứng thai sản: Theo giới hạn 1.1, 1.5 Mục 1, III - Sinh mổ: Theo giới hạn 1.1, 1.2, 1.5 Mục 1, III		
1.5	Chi phí trước khi nhập viện theo chỉ định của bác sĩ (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện) (giới hạn/năm)	VND 26.000.000/năm	VND 11.700.000	VND 9.750.000	VND 7.150.000
1.6	Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất viện) (giới hạn/năm)	VND 26.000.000/năm	VND 11.700.000	VND 9.750.000	VND 7.150.000



TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM			
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4
1.7	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà (theo chi định của bác sĩ - trong vòng 15 ngày) (giới hạn/năm)	VND 13.000.000/năm	VND 11.700.000	VND 9.750.000	VND 7.150.000
1.8	Cấy ghép nội tạng (không bảo hiểm cho chi phí mua các bộ phận nội tạng và chi phí hiến nội tạng) (giới hạn/năm)	VND 455.000.000	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.9	Dịch vụ xe cứu thương (cho dịch vụ cứu thương của địa phương với mục đích vận chuyển khẩn cấp Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp dịch vụ y tế thích hợp. Trong trường hợp không có dịch vụ cứu thương của địa phương, Người được bảo hiểm có thể dùng taxi với giới hạn trách nhiệm tới 200.000 VND/vụ. Hoá đơn taxi phải được cung cấp với thông tin liên quan) (giới hạn/năm)	VND 455.000.000/năm	VND 234.000.000	VND 195.000.000	VND 143.000.000
1.10	Trợ cấp nằm viện/ngày (Tối đa 180 ngày/năm)	VND 520.000/ngày	VND 234.000/ngày	VND 195.000/ngày	VND 143.000/ngày
1.11	Trợ cấp mai táng (giới hạn/năm)	VND 13.000.000	VND 2.000.000	VND 2.000.000	VND 2.000.000
1,12	Chăm sóc trẻ sau sinh tại bệnh viện (không bao gồm vắc - xin)	Các chi phí thực tế, tối đa VND 5.200.000/năm	Không hỗ trợ		
1.13	Chi phí điều trị bệnh cấp tính cho em bé sau sinh (CT1: trong vòng 15 ngày sau sinh)/năm; (CT2,3,4 trong vòng 07 ngày sau khi sinh)/năm	VND 2.600.000	VND 1.170.000	VND 975.000	VND 715.000

		<b>SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM</b>			
		<b>Chương trình 1</b>	<b>Chương trình 2</b>	<b>Chương trình 3</b>	<b>Chương trình 4</b>
<b>TT</b>	<b>QUYỀN LỢI BẢO HIỂM</b>				
1.14	Hỗ trợ thông tin của dịch vụ SOS 24/24h -Đường dây nóng: +848 8275 328 - Tư vấn y tế qua điện thoại - Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ y tế -Thông tin về yêu cầu tiêm chủng và visa - Những vấn đề về dịch thuật - Những vấn đề về đại sử quán - Thông tin về thời tiết và tỷ giá hối hoái	Có hỗ trợ			
<b>2</b>	<b>Điều trị ngoại trú</b>	<b>VND 32.500.000</b>	<b>VND 21.450.000</b>	<b>VND 18.200.000</b>	<b>VND 14.300.000</b>
2.1	Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm	Không giới hạn số tiền và số lần thăm khám			
2.2	Vật lý trị liệu/ngày (Tối đa 60 ngày/năm)	Không giới hạn số tiền và số lần thăm khám	VND 550.000	VND 450.000	VND 350.000

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM			
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4
2.3	<p>Điều trị răng cơ bản/năm: - Bao gồm mức trách nhiệm ngoại trú (Được áp dụng tại các bệnh viện, trung tâm y tế nhà nước, các bệnh viện, phòng khám nha khoa thuộc hệ thống bảo lãnh của PVI)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám và chẩn đoán</li> <li>- Chụp X-Quang</li> <li>- Viêm lợi (nướu)</li> <li>- Hàn răng bằng chất liệu thông thường (amalgam hoặc composite và các chất liệu tương đương)</li> <li>- Điều trị tủy răng</li> <li>- Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu)</li> <li>- Lấy cao răng (01 lần/năm)</li> </ul>	VND 9.750.000/năm	VND 6,435,000	VND 5,460,000	VND 4,290,000
3	<p><b>Khám chữa bệnh tại nước ngoài</b></p> <p>(Chi áp dụng trong trường hợp khẩn cấp và việc xử lý không thực hiện được tại Việt Nam, được sự đồng ý của Bác sỹ, PVI và công ty hỗ trợ y tế SOS)</p> <p>Tổng mức trách nhiệm, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí vận chuyển được thu xếp bởi Công ty Hỗ trợ y tế quốc tế (SOS)</li> </ul>	Áp dụng trong khu vực Châu Á		Không áp dụng	
		VND 1.300.000.000			
		Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 1.300.000.000/năm			

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM			
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí y tế chi trả trong quá trình nằm viện nơi Người được bảo hiểm chuyển đến</li> <li>- Hạn mức trách nhiệm theo ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chi trả theo chi phí thực tế không quá VND 1.300.000.000/năm</li> <li>VND 52.000.000/ngày</li> </ul>			Không áp dụng
IV	<b>ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN</b>				
1	<b>Đối tượng tham gia bảo hiểm: Cán bộ nhân viên, người thân của CBCNV</b>				
	- Giới hạn tuổi: từ 15 ngày tuổi đến 65 tuổi.				
2	<b>Thời gian chờ</b>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không áp dụng thời gian chờ với cán bộ nhân viên.</li> <li>- Với trường hợp nhân viên tham gia mới năm 2021 hoặc đã tham gia năm 2020 nhưng chưa hết thời gian chờ, nếu điều trị thai sản trong thời gian chờ 60 ngày hoặc sinh đẻ trong thời gian chờ 270 ngày số tiền được trả tính theo tỷ lệ giữa số ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm đến ngày sự kiện bảo hiểm xảy ra với 60 ngày cho chi phí điều trị thai sản hoặc 270 ngày cho chi phí sinh đẻ.</li> <li>- Không áp dụng thời gian chờ với người thân tham gia bảo hiểm từ 01 năm theo chương trình năm 2020 - 2021 của Trung tâm.</li> <li>- Đối với người thân tham gia bảo hiểm năm 2020 nhưng chưa chờ đủ 01 năm: Thời gian chờ tính từ ngày tham gia bảo hiểm năm trước.</li> <li>- Đối với người thân mới tham gia bảo hiểm năm 2021 áp dụng thời gian chờ như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ốm đau, bệnh tật (không phải do tai nạn): 30 ngày;</li> <li>+ Sảy thai, nạo thai theo chỉ định của bác sỹ, điều trị thai sản: 60 ngày;</li> <li>+ Sinh đẻ: 270 ngày;</li> <li>+ Bệnh đặc biệt: 365 ngày;</li> <li>+ Bệnh có sẵn, bệnh mãn tính: 365 ngày.</li> </ul> </li> </ul>				
3	<b>Thời gian giải quyết bồi thường</b>				
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp khám chữ bệnh tại các bệnh viện hợp tác bảo lãnh với đơn vị cung cấp bảo hiểm: Khách hàng trình thẻ bảo hiểm (của đơn vị cung cấp bảo hiểm) khi khám bệnh, chi phí khám chữa bệnh do đơn vị cung cấp bảo hiểm thanh toán trực tiếp với bệnh viện.</li> <li>- Trường hợp Khách hàng tự thanh toán tiền: đơn vị cung cấp bảo hiểm sẽ thanh toán tiền cho Khách hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ bồi thường.</li> </ul>				

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI/NĂM			
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4
4	<b>Điều khoản bổ sung</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách bệnh viện bảo lãnh viện phí.</li> <li>- Điều khoản tự động tăng/giảm người.</li> <li>- Điều khoản về Điều trị ngoại trú.</li> <li>- Điều khoản về Điều trị răng.</li> <li>- Điều khoản tiên tệ.</li> <li>- Điều khoản về ngộ độc thực phẩm, đồ uống.</li> <li>- Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp.</li> <li>- Điều khoản ngộ độc, ngạt thở do khí và khói độc.</li> <li>- Điều khoản thanh toán tiền vitamin, khoáng chất, thuốc hỗ trợ điều trị theo chỉ định của bác sỹ.</li> </ul>				
C	<b>Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự:</b> Yêu cầu nhà thầu có kinh nghiệm trong việc thực hiện các hợp đồng Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe: có ít nhất 02 hợp đồng tương tự (tương tự về giá trị và phạm vi công việc) trong thời gian 03 năm gần đây.				

**Ghi chú:**

- *Chương trình 1 (CT1): Giám đốc Trung tâm, Hàm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty.*

- *Chương trình 2 (CT2): Phó Giám đốc Trung tâm.*

- *Chương trình 3 (CT3) : Trưởng/Phó các Phòng chức năng Trung tâm.*

- *Chương trình 4 (CT4) : Các chức danh còn lại tại Trung tâm.*

- *Số lượng người thân CBCNV mua Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe theo chương trình của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật theo số lượng thực tế đăng ký mua.*

### 1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

- Chi tiết phạm vi cung cấp như Yêu cầu nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

### 2. Thời gian thực hiện công việc

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ 00h00 ngày 20/8/2021 đến hết 23h59 ngày 19/8/2022.

### 3. Yêu cầu về kỹ thuật

- Chi tiết yêu cầu về kỹ thuật nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

### 4. Yêu cầu về tài chính, thương mại

- Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm toàn bộ giá dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, bảo hiểm, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.

- Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

## Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá

TT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
<b>I</b>	<b>Về phạm vi công việc</b>		
1	Phạm vi công việc	Chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>		
1	Các yêu cầu kỹ thuật	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
<b>III</b>	<b>Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự</b>		
1	Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu về các hợp đồng tương tự được nêu trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt

		Không đáp ứng yêu cầu về các hợp đồng tương tự được nêu trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
<b>IV</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp đồng</b>		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng	Đáp ứng yêu cầu thời gian như đã nêu trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu thời gian như đã nêu trong Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt

Bản yêu cầu báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi tất cả các yêu cầu đều được đánh giá là đạt.

## Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật niên hạn 2021 – 2022.

Kính gửi: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC)

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu "Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật niên hạn 2021 – 2022" theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ 00h00 ngày 20/8/2021 đến hết 23h59 ngày 19/8/2022.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá chào (VNĐ)</b>	<b>Thành tiền (VNĐ)</b>
1				(M)
2				(I)
	<b>Tổng cộng giá chào</b> <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>			<b>(M) + (I)</b>

*Ghi chú:*

- Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu và thành tiền của từng công việc cụ thể. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì Bản chào giá của nhà thầu sẽ bị loại.

## Chương IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

**HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Số: .....

**BẢO HIỂM SỨC KHỎE..... CHO CBCNV  
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe của Công ty Bảo hiểm .....

Căn cứ Giấy yêu cầu bảo hiểm của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc bảo hiểm sức khỏe..... cho Cán bộ Công nhân viên Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại Văn phòng Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**BÊN A : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.22221 0288 Fax : 024.22221 0388

Tài khoản : 19136087595886

Mở tại : Ngân hàng Techcombank – Khối ngân hàng bán buôn

Mã số thuế : 0102276173-009

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Tùng

Chức vụ : Phó Giám đốc.

*(Theo Quyết định số 21/QĐ-TSC ngày 17/8/2020 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc ủy quyền)*

Và

**BÊN B** :  
Địa chỉ :  
Điện thoại : Fax:  
Tài khoản số :  
Tại ngân hàng :  
Đại diện là : Ông/Bà  
Chức vụ :

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) theo những nội dung dưới đây.

### **Điều 1. Giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này**

Trong phạm vi của Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây được các Bên hiểu và thống nhất như sau:

- 1.1. Hợp đồng:** là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, theo đó Bên A phải đóng phí bảo hiểm, Bên B phải trả tiền bảo hiểm cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng cho Bên A khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Các tài liệu sau đây là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm:
  - Giấy yêu cầu bảo hiểm của Bên A.
  - Quy tắc bảo hiểm nêu tại Điều 5 dưới đây, các điều khoản bổ sung (nếu có).
  - Giấy chứng nhận Bảo hiểm.
  - Bảng quyền lợi bảo hiểm đính kèm hợp đồng này.
  - Các Phụ lục Hợp đồng, Sửa đổi bổ sung (nếu có).
- 1.2. Quy tắc bảo hiểm:** là văn bản do Bên B ban hành quy định chi tiết về điều kiện, điều khoản bảo hiểm và các điểm loại trừ áp dụng.
- 1.3. Giấy chứng nhận bảo hiểm:** Là văn bản tóm tắt các thông tin xác nhận bảo hiểm do Bên B phát hành trên cơ sở thông tin và yêu cầu của Bên A cung cấp.
- 1.4. Ngày:** là ngày dương lịch theo quy định, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.5. Sự kiện bảo hiểm:** là sự kiện khách quan thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định trong Quy tắc bảo hiểm và Điều khoản bảo hiểm bổ sung (nếu có) quy định tại Điều 3 và Điều 5 dưới đây mà khi sự kiện đó xảy ra thì Bên B phải trả tiền bồi thường cho Bên A hoặc Người được bảo hiểm.
- 1.6. Pháp luật:** được hiểu là toàn bộ các quy định pháp luật của Việt Nam có liên quan đến các nội dung, quy định tại Hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm.
- 1.7. CBCNV:** Cán bộ công nhân viên.
- 1.8. CT1:** Chương trình 1.

1.9. CT2: Chương trình 2.

1.10. CT3: Chương trình 3.

1.11. CT4: Chương trình 4.

## **Điều 2. Đối tượng bảo hiểm.**

Đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng này là cán bộ công nhân viên của Bên A (40 người) theo danh sách đính kèm Hợp đồng này (dưới đây gọi là “Người được bảo hiểm”) bao gồm:

- CT1 (Giám đốc Trung tâm, Hàm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty): 01 người
- CT2 (Phó Giám đốc Trung tâm): 02 người
- CT3 (Trưởng/Phó các Phòng chức năng Trung tâm): 06 người
- CT4 (Đối với các chức danh còn lại tại Trung tâm): 31 người

Đối tượng được bảo hiểm có thể được điều chỉnh và sửa đổi theo thông báo bằng văn bản của Bên A và chỉ bắt đầu hiệu lực bảo hiểm theo quy định tại các sửa đổi, bổ sung được Bên B ban hành.

## **Điều 3. Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm**

### **3.1. Phạm vi bảo hiểm, Quyền lợi bảo hiểm:** *(Theo bảng quyền lợi cho CBCNV).*

- Bồi thường trong trường hợp Người được bảo hiểm (NĐBH): Tử vong hoặc tàn tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật, thai sản (Điều kiện A); Tử vong, thương tật thân thể do tai nạn (Điều kiện B); Chi phí y tế do ốm đau, bệnh tật, thai sản (Điều kiện C).

### **3.2 Phí bảo hiểm:**

#### **a. Phí bảo hiểm chi tiết như sau:**

- CT1 : ..... đồng/người/năm x 01 người = ..... đồng
- CT2 : ..... đồng/người/năm x 02 người = ..... đồng
- CT3 : ..... đồng/người/năm x 06 người = ..... đồng
- CT4 : ..... đồng/người/năm x 31 người = ..... đồng

#### **b. Tổng phí bảo hiểm: ..... đồng**

*(Bằng chữ: .....)*

## **Điều 4. Thời hạn bảo hiểm, thời gian thực hiện hợp đồng, thời gian chờ**

### **4.1. Thời hạn bảo hiểm:**

01 (một) năm kể từ 00h00 ngày 20/08/2021 đến 23h59 ngày 19/08/2022.

### **4.2. Thời gian thực hiện hợp đồng:**

Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi kết thúc Đơn bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm..... hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm theo Hợp đồng bảo hiểm.

#### **4.3. Thời gian chờ:**

- Không áp dụng thời gian chờ với cán bộ nhân viên.
- Với trường hợp CBCNV tham gia mới năm 2021 hoặc đã tham gia năm 2020 nhưng chưa hết thời gian chờ, nếu điều trị thai sản trong thời gian chờ 60 ngày hoặc sinh đẻ trong thời gian chờ 270 ngày, số tiền được trả tính theo tỷ lệ giữa số ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm đến ngày sự kiện bảo hiểm xảy ra với 60 ngày cho chi phí điều trị thai sản hoặc 270 ngày cho chi phí sinh đẻ.
- Không áp dụng thời gian chờ với người thân tham gia bảo hiểm đủ 01 năm theo chương trình năm 2020 - 2021 của Trung tâm.
- Đối với người thân tham gia bảo hiểm năm 2020 – 2021 theo chương trình bảo hiểm của Trung tâm nhưng chưa chờ đủ 01 năm: Thời gian chờ tính từ ngày tham gia bảo hiểm năm trước.
- Đối với người thân mới tham gia bảo hiểm năm 2021 áp dụng thời gian chờ như sau:
  - + Ốm đau, bệnh tật (không phải do tai nạn): 30 ngày;
  - + Sảy thai, nạo thai theo chỉ định của bác sỹ, điều trị thai sản: 60 ngày;
  - + Sinh đẻ: 270 ngày;
  - + Bệnh đặc biệt: 365 ngày;
  - + Bệnh có sẵn, bệnh mãn tính: 365 ngày.

### **Điều 5. Điều kiện, điều khoản bảo hiểm**

#### **5.1. Điều kiện, điều khoản bảo hiểm:**

Quy tắc bảo hiểm sức khỏe ..... của Tổng công ty Bảo hiểm .....(ban hành kèm theo Quyết định số.....) và các Điều khoản bổ sung sau:

- Điều khoản tự động tăng/giảm người.
- Điều khoản về Điều trị ngoại trú.
- Điều khoản về Điều trị răng.
- Điều khoản tiền tệ.
- Điều khoản về ngộ độc thực phẩm, đồ uống.
- Chi phí điều trị bác sỹ đông y/nắn xương khớp.
- Điều khoản ngộ độc, ngạt thở do khí và khói độc.

- Điều khoản thanh toán tiền vitamin, khoáng chất, thuốc hỗ trợ điều trị theo chỉ định của bác sỹ.

- .....

## **5.2. Các tài liệu kèm theo:**

Các tài liệu kèm theo là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm này, bao gồm:

- Danh sách CBCNV của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Bảng quyền lợi bảo hiểm;
- Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe (của đơn vị bảo hiểm);
- Quy tắc bảo hiểm sức khỏe của Công ty bảo hiểm.
- Danh sách các bệnh viện, phòng khám, nhà thuốc thuộc hệ thống bảo lãnh của Công ty bảo hiểm.....

## **Điều 6. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán phí bảo hiểm**

### **6.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.**

### **6.2. Thời hạn thanh toán:**

- Sau khi ký kết hợp đồng, Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền phí bảo hiểm của hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm và sau khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán cụ thể như sau:

- + Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc).
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bản gốc).
- + Giấy chứng nhận bảo hiểm (bản gốc).

- Các điều chỉnh, bổ sung được chấp thuận (nếu có) sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp Sửa đổi bổ sung.

- Phí bảo hiểm sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

- Mọi thỏa thuận liên quan đến việc nợ phí bảo hiểm phải được lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên và phải có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh thanh toán phù hợp theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chấm dứt/Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm**

**7.1.** Hợp đồng chấm dứt hiệu lực vào ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm hoặc theo các trường hợp quy định của pháp luật và Quy tắc bảo hiểm, tùy theo thời điểm nào đến trước.

**7.2.** Nếu Bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn, hiệu lực của Hợp đồng/ Giấy chứng nhận bảo hiểm sẽ tự động bị chấm dứt từ thời điểm

kết thúc thời hạn thanh toán và Bên B không phải gửi bất kỳ thông báo bằng văn bản nào cho Bên A và Người được bảo hiểm.

Trong trường hợp này, Bên A vẫn phải đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

- 7.3. Các bên đồng ý rằng, sau khi Hợp đồng bị chấm dứt hiệu lực theo Khoản 7.2 ở trên, nếu Bên A muốn tiếp tục tham gia bảo hiểm và thanh toán toàn bộ tiền phí bảo hiểm cho Bên B, thì Hợp đồng này sẽ được tự động khôi phục hiệu lực từ 00giờ00 của ngày kế tiếp ngày Bên A đã chuyển thành công toàn bộ tiền phí bảo hiểm vào tài khoản của Bên B hoặc đã nộp tiền mặt trực tiếp cho Bên B và Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi tổn thất phát sinh trong thời gian Hợp đồng này bị mất hiệu lực.
- 7.4. Ngoài các trường hợp chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 7.1 và khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng này và các quy định tại Quy tắc bảo hiểm áp dụng, hiệu lực của Hợp đồng sẽ chấm dứt vào thời điểm xảy ra một trong những sự kiện sau đây:
- a) Bất kỳ vi phạm nào về bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng này mà bên vi phạm không xử lý/ khắc phục trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi nhận được thông báo về sự vi phạm từ bên kia; hoặc
  - b) Trong trường hợp một trong hai Bên đề nghị hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, Bên yêu cầu hủy bỏ phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 30 ngày kể từ ngày định hủy bỏ. Nếu hợp đồng được hai Bên thỏa thuận hủy bỏ, Bên B sẽ hoàn trả 80% phí bảo hiểm của thời hạn còn lại, với điều kiện đến thời điểm đó Hợp đồng bảo hiểm này chưa có lần nào được Bên B chấp nhận trả tiền bảo hiểm; hoặc
  - c) Các bên cùng thống nhất chấm dứt Hợp đồng này trước hạn; hoặc
  - d) Một trong các bên phá sản, thanh lý, giải thể, hoặc bị đình chỉ hoạt động; hoặc
  - e) Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng và quy định pháp luật.
- 7.5. Việc chấm dứt Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, nghĩa vụ nào còn tồn đọng của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm này.
- 7.6. Việc hoàn phí trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn được áp dụng theo quy định tại Quy tắc bảo hiểm.

## **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các Bên**

### **8.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm này;

- Kê khai/ cung cấp tài liệu trung thực, đầy đủ các thông tin quy định trên Giấy yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu bồi thường và mọi thông tin có liên quan đến Hợp đồng theo yêu cầu của Bên B;
- Cam kết mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm do Bên A cung cấp là chính xác; được giải thích và phối hợp với Bên B cung cấp các nội dung Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm, điểm loại trừ bảo hiểm, giảm trừ bồi thường và điều khoản bổ sung cho Người được bảo hiểm.
- Thông báo cho Bên B mọi thông tin liên quan đến đối tượng được bảo hiểm và những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng bảo hiểm để Bên B xem xét điều chỉnh phí bảo hiểm phù hợp hoặc hướng dẫn các thủ tục cần thiết để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm. Trường hợp không thông báo cho Bên B hoặc không nộp phí bổ sung (theo thông báo của Bên B) hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B, Bên B có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Thông báo cho Bên B về việc xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn 15 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp/hướng dẫn Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật;
- Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, Bên A có trách nhiệm thông báo bằng văn bản mọi thay đổi về số lượng người được bảo hiểm từng nhóm cho Bên B biết trong vòng 30 ngày để Bên B cấp Sửa đổi bổ sung xác nhận các thay đổi đó;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **8.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Giải thích cho Bên A, phối hợp với Bên A giải thích các điều kiện điều khoản bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên A và Người được bảo hiểm;
- Hướng dẫn Bên A và/hoặc Người được bảo hiểm hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm.
- Trên cơ sở thông báo sự thay đổi về số lượng Người được bảo hiểm, Bên B sẽ tiến hành lập Sửa đổi bổ sung bảo hiểm cho những người mới tham gia bảo hiểm hoặc chấm dứt bảo hiểm đối với những người không còn tham gia bảo hiểm. Trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm xảy ra với CBNV chưa có tên trong danh sách bảo hiểm thì hợp đồng lao động của Bên A với cá nhân đó sẽ là cơ sở để Bên B xem xét và trả tiền bảo hiểm, với điều kiện Bên A



thông báo theo đúng thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm theo trách nhiệm quy định tại Khoản 8.1 nêu trên;

- Bên B có trách nhiệm trả tiền bồi thường trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ.
- Đơn phương chấm dứt Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này;
- Có trách nhiệm trả thẻ điện tử cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A thanh toán phí bảo hiểm.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định pháp luật.

## **Điều 9. Trách nhiệm của các Bên và điều khoản chung.**

### **9.1. Trách nhiệm của các Bên**

- Khi xảy ra rủi ro được bảo hiểm, Người được bảo hiểm hoặc thân nhân của họ phải áp dụng các biện pháp cần thiết và có thể thực hiện được để cứu chữa nạn nhân.
- Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản quy định trong Hợp đồng này sẽ phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) của phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm; ngoài ra còn phải bồi thường một trăm phần trăm (100%) giá trị thiệt hại cho bên còn lại. Bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh về các thiệt hại phát sinh.

### **9.2. Điều khoản chung**

- Các bên đã đọc, hiểu và cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo quy định pháp luật Việt Nam tại thời điểm ký kết.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các yêu cầu phát sinh ngoài các nội dung của hợp đồng này sẽ sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng một hoặc nhiều Phụ lục hợp đồng với điều kiện những sửa đổi, bổ sung đó phải phù hợp với pháp luật hiện hành và được hai bên thống nhất bằng văn bản.

## **Điều 10. Điều khoản khác.**

- 10.1. Không một Bên nào có quyền chuyên nhượng cho người thứ ba toàn bộ hoặc một phần quyền lợi hay trách nhiệm của mình mà không có văn bản thỏa thuận của Bên kia.
- 10.2. Tất cả các bổ sung và sửa đổi đối với hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập bằng văn bản và được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.

- 10.3. Các Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau ngay về các vấn đề nảy sinh, cản trở hoặc có thể cản trở việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng và thảo luận để tìm biện pháp giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho hai Bên.
- 10.4. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, Bên A hoặc Bên B sẽ thống nhất các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất của hợp đồng này theo đúng luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- 10.5. Các Bên có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này theo Pháp luật hiện hành của Nước CHXHCN Việt Nam.
- 10.6. Thời hạn khiếu nại bồi thường là 06 tháng tính từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B từ chối hoặc giải quyết số tiền bồi thường.
- 10.7. Những nội dung quy định trong quy tắc bảo hiểm trái với hợp đồng thì ưu tiên áp dụng quy định tại hợp đồng.
- 10.8. Các tranh chấp nảy sinh trong việc thực hiện hợp đồng sẽ được các Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không đạt được thoả thuận, tranh chấp sẽ đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết, án phí do bên thua kiện chịu. Quyết định của Toà án là bắt buộc các Bên thực hiện.
- Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**